TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐST
Ngày: 27/12/2017
"V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi, ông Nguyễn Thái Bảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 114/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị T, sinh năm 1985; Cư trú tại xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* anh Phan Đình C, sinh năm 1981; Cư trú tại xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 3, K1, Trại giam N, Bộ Công an; địa chỉ: xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh C (anh C có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày như sau: Chị và anh Phan Đình C, kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 20-4-2013 tại UBND xã K là quê của anh C. Sau khi kết hôn chị và anh C sống chung với nhau tại xã K được một thời gian ngắn thì vào miền nam làm ăn, trong thời gian ở miền nam thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm lối sống, mặt khác anh C không tu trí làm ăn mặc dù chị đã động viên, khuyên can nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy. Do không thể chung sống nên tôi và anh C đã ly thân nhau từ đầu năm 2013; Trong

thời gian ly thân anh C đã vi phạm pháp luật hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam N Bộ công an đầu năm 2014. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm không còn nữa, vợ chồng ly thân đã nhiều năm. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Đình C để ổn định cuộc sống.

Về con: vợ chồng có 01 con chung là Phan Phạm K A, sinh ngày 22-3-2013. Hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền nuôi con cho chị; vì con chung là con gái thực tế chị đang làm công nhân có mức lương 5.500.0000đ/ tháng đủ cho hai mẹ con; còn anh C đang thi hành án tù không có thu nhập không có điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ. Khi ly hôn tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn của vụ án anh Phan Đình C trình bày như sau: Thời gian và điều kiện kết hôn giống như chị T trình bày; Cuộc sống vợ chồng được thời gian ngắn thì có mâu thuẫn và một số lý do khác nên đã không chung sống cùng nhau 5 năm; Nay cô T xin ly hôn anh, anh đồng ý tạo điều kiện cho chị T đi tìm hạnh phúc khác.

Về con: Anh cũng xác định vợ chồng có 01 con chung là là Phan Phạm K A, sinh ngày 22-3-2013; anh C không đồng ý để cho chị T nuôi con chung; mà có quan điểm hiện tại anh đang thi hành án tù, sang tháng 5/2018 anh về sẽ nuôi con, hiện tại anh sẽ gửi cháu cho chị T đến khi anh về, còn tiền cấp dưỡng cho con như thế nào chị T cứ yêu cầu anh và gia đình anh sẽ chu cấp.

Về tài sản: anh nhất trí với chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa bị đơn anh Phan Đình C vắng mặt lần thứ nhất, nhưng anh C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1, Điều 22 8BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phan Đình C kết hôn với nhau tự nguyện hợp pháp ngày 20-4-2013 tại UBND xã K; Sau khi kết hôn chị và anh C sống chung với nhau tại một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn ; tuy nguyên nhân mâu thuẫn đôi bên trình bày khác biệt nhau. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh C tại UBND xã Đ là nơi cư trú của chị T từ 2013 đến nay thì chính quyền địa phương xác nhận từ đầu năm 2013 do mâu thuẫn vợ chồng chị T về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm 5, xã Đ, cho đến nay anh C

không đến ở cùng lần nào. Vấn đề này HĐXX thấy rằng: xuất phát từ bất đồng về lối sống, khác nhau về tính cách nên vợ chồng anh C và chị T chưa có tiếng nói chung, chưa xác định được quan điểm sống chung cũng như phương thức duy trì cuộc sống gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong thời gian ly thân thì anh C do vi phạm pháp luật phải chấp hành hình phạt tù do hành vi của mình gây ra nên vợ chồng sống xa nhau dẫn đến mâu thuẫn không giải quyết được và thời gian không chung sống cùng nhau quá lâu nên tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng thuận ly hôn, tình trạng hôn nhân của chị T và anh C hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung giữa họ theo quy định tại khoản 1, Điều 56 luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị T ly hôn anh C là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh C và chị T chỉ có 01 người con chung là Phan Phạm K A, sinh ngày 22-3-2013 và đang được chị T nuôi dưỡng khi ly hôn cả hai bên đều yêu cầu được trực tiếp nuoi dưỡng con chung đến khi thành niên. Vấn đề này HĐXX thấy rằng: con chung là con gái thực tế chị T đang nuôi dưỡng; chị T có thu nhập ổn định có mức lương 5.500.0000đ/ tháng, còn anh C đang thi hành án tù không có thu nhập không có điều kiện nuôi dưỡng con chung; hiện nay chị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng hơn anh C về mọi mặt để đảm bảo con chung của anh chị phát triển bình thường, căn cứ khoản 2, Điều 81 luật HNGĐ thì việc giao con chung của vợ chồng cho chị T nuôi là phù hợp; vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của anh C không được HĐXX chấp nhận; cần phải giao cháu Phan Phạm K A, sinh ngày 22-3-2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên để con chung của anh chị phát triển bình thường.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích quyền nghĩa vụ theo Điều 81, 82 luật HNGĐ thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; nhưng chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và xác định chị đủ điều kiện nuôi con chung đến khi thành niên mà không cần sự hỗ trợ của anh C nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét..

Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 228, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T với anh Phan Đình C.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là Phan Phạm K A, sinh ngày 22-3-2013 đến khi thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2479 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K, Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA